

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **47/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 16-7-2018
V/v : “*Ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Ngọc

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Văn Đài

2. Ông Trần Xuân Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 223/2018/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2018 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị Mỹ O**, sinh năm 1996.

HKTT: Số nhà 307, Tổ 16, ấp T P 2, xã HG, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Trương P**, sinh năm 1994.

HKTT: Tổ 13, ấp T L 2, xã CG, huyện T B, tỉnh Đồng Nai..

(Chị O có mặt, anh P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa chị Hoàng Thị Mỹ O trình bày:

Chị và anh Trương P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C G, huyện TB, tỉnh Đồng Nai ngày 06/12/2016, giấy chứng nhận kết hôn số 104/2016.

Sau khi kết hôn với nhau vợ chồng sống chung thường xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do không hiểu tính nhau, về lối sống, quan điểm sống không phù hợp. Anh P không lo làm ăn để chăm lo cho gia đình mà ham chơi. Cuộc sống chung ngày càng nặng nề, ngột ngạt, tình cảm vợ chồng không còn nên từ tháng 07/2017, chị O đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở thị xã LK, tỉnh Đồng Nai để sinh sống và từ đó vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống riêng

của ai. Giờ đây, giữa vợ chồng chị chỉ còn vợ chồng trên danh nghĩa giấy tờ mà thôi. Tại phiên tòa hôm nay chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn với anh P.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị O cam kết vợ chồng không có nợ chung.

- Về án phí: Chị O xin tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai và và đơn xin vắng mặt bị đơn anh Trương P trình bày:

Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh xây dựng gia đình theo chị Hoàng Thị Mỹ O bày là đúng.

Quá trình chung sống anh thừa nhận là vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng ý kiến nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ tháng 07/2017, chị O đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở thị xã LK, tỉnh Đồng Nai để sinh sống và từ đó vợ chồng sống ly thân tới nay. Gia đình hai bên có hòa giải để vợ chồng về chung sống với nhau nhưng không thành. Nay chị O xin ly hôn anh cũng đồng ý nhưng do anh là người có đạo và đạo không cho phép ly hôn nên anh không thể ly hôn với chị O. Anh xin vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và theo yêu cầu của chị O.

- Về con chung: Không có con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn”. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh P đầy đủ, anh P có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

Về nội dung tranh chấp: Chị O yêu cầu ly hôn với anh P, về con chung; nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các nội dung này đã được Tòa án ghi rõ trong các Thông báo mà anh P đã nhận và anh P đã có ý kiến nộp cho Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ giữa chị Hoàng Thị Mỹ O và anh Trương P là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì anh chị lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Qua trình bày của chị Mỹ O xét thấy cuộc sống chung giữa chị và anh Trương P không có hạnh phúc, không có tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau và không thể hàn gắn được, chị O và anh P đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay nên chị O xin được ly hôn

với anh P. Tại bản tự khai của anh Trương P cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhưng không được, anh và chị O đã ly thân hơn một năm. Bản thân anh cũng muốn ly hôn nhưng do anh là người theo đạo và đạo không cho phép vợ chồng ly hôn nên anh không thể ly hôn với chị O. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị O và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, trên thực tế chị O và anh P cũng đã ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, hòa thuận đã không đạt được. Đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Lý do anh P cho rằng anh là người theo đạo và đạo không cho ly hôn như phần trình bày ở trên là không chính đáng vì pháp luật không quy định nên yêu cầu của chị Hoàng Thị Mỹ O về việc xin ly hôn với anh Trương P là có cơ sở chấp nhận. Từ lý do trên, Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị Mỹ O, cho chị Hoàng Thị Mỹ O được ly hôn với anh Trương P.

[2] Về con chung: Chị Hoàng Thị Mỹ O và anh Trương P khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị Hoàng Thị Mỹ O và anh Trương P khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị Mỹ O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 203, Điều 207, Điều 220, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị Mỹ O. Chị Hoàng Thị Mỹ O được ly hôn với anh Trương P

2. Về con chung: Chị Hoàng Thị Mỹ O và anh Trương P khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Hoàng Thị Mỹ O và anh Trương P khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị Mỹ O phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị O đã nộp theo biên lai thu số: 000343 ngày 04/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị O đã nộp đủ án phí.

Chị Hoàng Thị Mỹ O có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trương P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã C G, huyện T B, tỉnh Đồng Nai (cấp giấy chứng nhận kết hôn số 104, ngày 06/12/2016);
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Hồng Ngọc